

Số: 14/NQ-HĐND

Mộc Châu, ngày 27 tháng 10 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư công trung hạn
nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU
KHOẢ XX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG LẦN THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2014; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư Công; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 tỉnh Sơn La;

Xét Tờ trình số 2535/TTr-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện về đề nghị ban hành nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 33/BC-HĐND ngày 26/10/2017 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; tổng hợp ý kiến phát biểu và phiếu biểu quyết của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương huyện Mộc Châu giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

I. Tổng mức vốn của kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 77.044 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn phân cấp ngân sách cấp huyện: **69.544 triệu đồng** (Hỗ trợ thực hiện CTMTQG NTM: **5.000 triệu đồng**; Thực hiện các dự án đầu tư: **64.544 triệu đồng**).

- Nguồn ủy quyền phân bổ chi tiết: **7.500 triệu đồng** (Hỗ trợ các xã biên giới Việt Nam - Lào theo Quyết định số 160/QĐ-TTg).

II. Nguyên tắc phân bổ

1. Nguyên tắc chung

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 119/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bố trí phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư được HĐND, UBND tỉnh giao và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, việc bố trí phải tập trung, không dàn trải, chỉ bố trí cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Danh mục và mức vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã bao gồm danh mục và mức vốn thuộc kế hoạch đầu tư công năm: 2016, 2017; không thấp hơn mức vốn đã bố trí trong kế hoạch năm: 2016, 2017.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp; bố trí đầu tư trường đạt chuẩn quốc gia, xóa phòng học tạm theo Kết luận số: 304-KL/HU và 691-KL/HU của Ban Thường vụ huyện ủy, các xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã biên giới...

2. Nguyên tắc phân bổ theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí vốn cho những công trình hoàn thành trước ngày 31/12/2015 nhưng còn thiếu vốn.

- Bố trí cho các công trình chuyển tiếp của giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016-2020.

- Đầu tư các dự án để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, xóa phòng học tạm theo Kết luận số: 304-KL/HU và 691-KL/HU của Ban Thường vụ huyện ủy, các xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã biên giới...

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án thuộc các đối tượng trên mới bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và chuẩn bị đầu tư một số công trình, dự án.

III. Phương án phân bổ nguồn bổ sung cân đối ngân sách cấp huyện

1. Nguồn phân cấp ngân sách cấp huyện: 69.544 triệu đồng, phân bổ chi tiết như sau:

- Bố trí vốn cho 07 công trình hoàn thành của giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016-2020: 820,01 triệu đồng.

- Triển khai khởi công mới 42 công trình: 41.912,36 triệu đồng. Trong đó:

+ Lĩnh vực giáo dục 28 công trình: 30.360,41 triệu đồng (năm 2016, 2017 đã bố trí: 14.557,41 triệu đồng, giai đoạn 2018-2020: 15.803,0 triệu đồng).

+ Lĩnh vực văn hóa 09 công trình: 6.126,28 triệu đồng (năm 2016, 2017 đã bố trí: 5.239,28 triệu đồng, giai đoạn 2018-2020: 887,0 triệu đồng).

+ Lĩnh vực thủy lợi, nước sinh hoạt 03 công trình: 3.310,67 triệu đồng (năm 2016, 2017 đã bố trí: 3.310,67 triệu đồng).

+ Lĩnh vực khác 02 công trình: 2.115,0 triệu đồng bố trí năm 2016, 2017: 2.115,0 triệu đồng).

- Chuẩn bị đầu tư 19 công trình với tổng mức đầu tư dự kiến: 21.300 triệu đồng (phân bổ chi tiết sau 19.857,63 triệu đồng). Trong đó:

+ Lĩnh vực giáo dục: 05 công trình với tổng mức đầu tư: 5.000 triệu đồng.

+ Lĩnh vực văn hóa: 11 công trình với tổng mức đầu tư: 9.200 triệu đồng.

+ Lĩnh vực thủy lợi, nước sinh hoạt: 01 công trình với tổng mức đầu tư: 1.500 triệu đồng.

+ Lĩnh vực y tế: 02 công trình với tổng mức đầu tư: 5.600 triệu đồng.

- Dự phòng chưa phân bổ (10%): 6.954,0 triệu đồng (để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định).

2. Nguồn ủy quyền phân bổ chi tiết (Hỗ trợ đầu tư các xã biên giới Việt Nam - Lào theo Quyết định số 160/QĐ-TTg): 7.500 triệu đồng, phân bổ chi tiết như sau:

- Bố trí vốn cho 02 công trình hoàn thành của giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016-2020: 845,28 triệu đồng.

- Triển khai thực hiện các chương trình, dự án và bố trí khởi công mới 07 công trình: 3.654,72 triệu đồng. Trong đó:

+ Lĩnh vực giáo dục 03 công trình: 1.500,0 triệu đồng (Xã Chiềng Sơn: 02 dự án; xã Lóng Sập: 01 dự án).

+ Lĩnh vực văn hóa 02 công trình: 1.000,0 triệu đồng (Xã Lóng Sập: 01 dự án; xã Chiềng Khừa: 01 dự án).

+ Lĩnh vực thủy lợi, nước sinh hoạt 01 công trình: 500,0 triệu đồng (Xã Chiềng Khừa: 01 dự án).

+ Lĩnh vực y tế 01 công trình: 654,72 triệu đồng (Xã Chiềng Khừa: 01 dự án).

- Chuẩn bị đầu tư 04 công trình với tổng mức đầu tư dự kiến: 4.200 triệu đồng (phân bổ chi tiết sau 3.000 triệu đồng). Trong đó:

+ Lĩnh vực giáo dục: 04 công trình với tổng mức đầu tư: 4.200 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình triển

khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, giao UBND huyện xây dựng phương án trình xin ý kiến Thường trực HĐND huyện trước khi quyết định và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

2. Đối với nguồn vốn phân bổ cho các dự án chuẩn bị đầu tư chưa phân bổ chi tiết, UBND huyện xây dựng phương án phân bổ chi tiết, trình HĐND huyện xem xét, quyết định.

3. Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện và các đại biểu HĐND huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND huyện Mộc Châu khóa XX, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 27 tháng 10 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND - UBND tỉnh (B/c);
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở: KH&ĐT, TC, TP;
- Trung tâm Công báo Sơn La;
- TT HU- HĐND huyện;
- Đ/c CT, PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH 60 bản.

CHỦ TỊCH



Hà Trung Chiến


TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG HUYỆN MỘC CHÂU GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND huyện)
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch 2016-2020 Tỉnh giao cho huyện					Ghi chú
		Tổng số	Phương án phân bổ 90% mức vốn			Dự phòng 10%	
			Tổng số	TĐ: Tỉnh đã giao	Tỉnh chưa giao		
	TỔNG SỐ	1.314.235,0	1.314.235,0	483.615	830.620	-	
I	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP HUYỆN	77.044,0	77.044,0	77.044	-	-	HĐND tỉnh phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 21/7/2017
1	Nguồn phân cấp ngân sách cấp huyện	-	69.544,0	69.544	-	-	
2	Nguồn ủy quyền phân bổ chi tiết (Hỗ trợ các xã biên giới Việt Nam - Lào theo Quyết định số 160/QĐ-TTg)	-	7.500,0	7.500	-	-	
II	NGUỒN THU TỪ CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1.080.620,0	1.080.620,0	250.000	830.620	-	Dự kiến theo Kế hoạch số 2240/KH-UBND ngày 20/9/2017 của UBND huyện; Phân bổ chi tiết sau
III	TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KCH TRƯỜNG LỚP HỌC MẦM NON, TIỂU HỌC	32.615,0	32.615,0	32.615	-	-	UBND tỉnh thông báo tại Công văn số 2950/UBND-TH ngày 14/9/2017
IV	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	123.956,0	123.956,0	123.956	-	-	UBND tỉnh thông báo tại Công văn số 3380/UBND-TH ngày 17/10/2017, UBND huyện sẽ trình phân bổ tại Kỳ họp thứ 5, HĐND huyện
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững	41.713,0	41.713,0	41.713	-	-	
2	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	82.243,0	82.243,0	82.243	-	-	

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CHO CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀ DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh cuối cùng		Giai đoạn 2011 - 2015		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú	
					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2016 - 2017 đã giao		Dự kiến kế hoạch vốn còn lại giai đoạn 2018 - 2020			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh											
	Tổng số			37.985,73	-	26.279,00	26.279,00	6.293,10	1.665,29	6.293,10	1.665,29	6.293,10	1.665,29	-	-	
A	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN			35.352,95	-	24.779,00	24.779,00	5.447,82	820,01	5.447,82	820,01	5.447,82	820,01	-	-	
I	Các dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2015			35.352,95	-	24.779,0	24.779,0	5.447,82	820,01	5.447,82	820,01	5.447,82	820,01			
a	Lĩnh vực quản lý Nhà nước			33.019,65	-	23.079,00	23.079,00	4.952,39	324,58	4.952,39	324,58	4.952,39	324,58	-	-	
1	Xây dựng các hạng mục phụ trợ Đảng ủy, HĐND- UBND xã Chiềng Hắc	Chiềng Hắc	1518 30/10/2014	950,00		649,00	649,00	252,50	252,50	252,50	252,50	252,50	252,50			
2	Nâng cấp trạm y tế xã Nà Mường	Nà Mường	1484 29/10/2014	466,53		300,00	300,00	72,08	72,08	72,08	72,08	72,08	72,08			
3	Hội trường tại trung tâm hành chính mới huyện Mộc Châu	TTMC	1708 28/5/2015	31.603,12		22.130,00	22.130,00	4.627,81	-	4.627,81	-	4.627,81	-			
b	Lĩnh vực văn hóa			2.333,30	-	1.700,00	1.700,00	495,43	495,43	495,43	495,43	495,43	495,43	-	-	
1	Nhà văn hóa bản Tà Sồ, xã Chiềng Hắc	Chiềng Hắc	127 25/9/2013	518,46		400,00	400,00	88,50	88,50	88,50	88,50	88,50	88,50			
2	Nhà văn hóa bản Suối Khua, xã Nà Mường	Nà Mường	121 25/9/2013	544,93		400,00	400,00	103,93	103,93	103,93	103,93	103,93	103,93			
3	Nhà văn hóa bản Pa Hốc, xã Phiêng Luông	Phiêng Luông	1273 09/10/2014	504,09		400,00	400,00	76,00	76,00	76,00	76,00	76,00	76,00			

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh cuối cùng		Giai đoạn 2011 - 2015		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú	
					Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020		Kế hoạch năm 2016 - 2017 đã giao		Dự kiến kế hoạch vốn còn lại giai đoạn 2018 - 2020			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh											
4	Nhà văn hóa bản Phiêng Đón, xã Tân Lập	Tân Lập	357 20/10/2013	765,82		500,00	500,00	227,00	227,00	227,00	227,00	227,00	227,00			
II	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	NGUỒN VỐN ỦY QUYỀN PHÂN BỐ CHI TIẾT (HỖ TRỢ CÁC XÃ BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO THEO QĐ SỐ 160/QĐ-TTG)			2.632,78	-	1.500,00	1.500,00	845,28	845,28	845,28	845,28	845,28	845,28	-	-	
I	Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2015			2.632,78	-	1.500,00	1.500,00	845,28	845,28	845,28	845,28	845,28	845,28	-	-	
*	Lĩnh vực nước sinh hoạt			2.632,78	-	1.500,00	1.500,00	845,28	845,28	845,28	845,28	845,28	845,28	-	-	
1	Nước sinh hoạt bản Hìn Pén, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	1479 29/10/2014	1.497,52		750,00	750,00	583,85	583,85	583,85	583,85	583,85	583,85			
2	Nước sinh hoạt bản Pu Nhan, xã Lóng Sập	Lóng Sập	1558 31/10/2012	1.135,27		750,00	750,00	261,43	261,43	261,43	261,43	261,43	261,43			
II	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Dự kiến quy mô	Dự kiến thời gian thực hiện	Phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú
					Số Văn bản, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Số Quyết định, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016 - 2020		Kế hoạch vốn năm 2016 - 2017 đã giao		Kế hoạch vốn còn lại giai đoạn 2018 - 2020		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	
	Tổng số					11.956,06		61.421,15	70.295,61	75.378,71	70.295,61	75.378,71	45.422,02	27.377,08	29.130,18	48.001,63	
A	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					11.356,06		49.118,02	57.441,55	68.723,99	57.441,55	68.723,99	37.466,55	25.222,36	25.380,36	43.501,63	
I	Khởi công mới					11.356,06		49.118,02	57.441,55	41.912,36	57.441,55	41.912,36	37.466,55	25.222,36	25.380,36	16.690,00	
a	Lĩnh vực giáo dục					10.856,06		23.636,55	32.182,60	30.360,41	32.182,60	30.360,41	21.327,60	14.557,41	15.873,36	15.803,00	
1	Trường THCS Mộc Ly	TTMC	2T6P	2016			2501 30/10/2015	2.363,98	2.122,59	1.779,59	2.122,59	1.779,59	2.122,59	1.779,59	-	-	Lồng ghép nguồn vốn cấp QSD đất
2	Trường Mầm non Tân Lập	Tân Lập	2T4P	2016			2499 30/10/2015	2.628,96	2.558,13	2.487,77	2.558,13	2.487,77	2.558,13	2.487,77	70,36	-	
3	Nhà lớp học bán Nà Bó trường Mầm non Mường Sang	Mường Sang	1T1P	2016			2465 30/10/2015	542,36	514,21	514,21	514,21	514,21	514,21	514,21	-	-	
4	Nhà lớp học bán Thái Hưng trường Mầm non Mường Sang	Mường Sang	1T1P	2016			2464 30/10/2015	524,99	490,84	490,84	490,84	490,84	490,84	490,84	-	-	
5	Trường Mầm non Phong Lan điểm trung tâm	Chiềng Sơn		2017			1980 31/10/2016	1.048,6	1.000,00	500,00	1.000,00	500,00	1.000,0	500,00	-	-	lồng ghép vốn hỗ trợ QĐ 160
6	Nhà lớp học bán Tầm Phế trường Tiểu học Tân Hợp	Tân Hợp	1T3P	2017			2469 30/10/2015	951,65	905,83	500,00	905,83	500,00	905,83	500,00	-	-	lồng ghép vốn CT 135
7	Nhà bếp + nhà ăn trường Tiểu học Tân Hợp	Tân Hợp	76 m2	2016 2017			308 04/3/2016	499,00	480,00	230,00	480,00	230,00	480,00	230,00	-	-	Lồng ghép nguồn kinh phí đáng phi
8	Nhà bếp + nhà ăn trường Mầm non Tân Hợp	Tân Hợp	76 m2	2016 2017			309 04/3/2016	499,00	478,00	225,00	478,00	225,00	478,00	225,00	-	-	do Tỉnh ủy cấp
9	Trường Tiểu học Tây Tiến	TTMC	3T12P	2017 2018			1996 31/10/2016	7.908,9	6.759,0	6.759,0	6.759,0	6.759,0	6.759,0	3.780,0	2.979,0	2.979,00	

STT		Địa điểm XD	Dự kiến quy mô	Dự kiến thời gian thực hiện	Phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú
					Số Văn bản, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Số Quyết định, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016 - 2020		Kế hoạch vốn năm 2016 - 2017 đã giao		Kế hoạch vốn còn lại giai đoạn 2018 - 2020		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	
10	Nhà lớp học bán Pa Hốc trường Tiểu học Phiêng Luông	Phiêng Luông	1T3P	2017			2005 31/10/2016	911,16	858,00	858,00	858,00	858,00	858,00	600,0	258,00	258,00	
11	Nhà lớp học bán Nà Bó 1 thuộc trường Mầm non Hua Păng	Hua Păng	1T2P	2017 2018			2472 30/10/2015	1.095,4	984,00	984,00	984,00	984,00	984,00	600,0	384,00	384,00	
12	Nhà lớp học bán Co Sung - Châm Cháy thuộc trường Mầm non Đông Sang	Đông Sang	1T2P	2017			1991 31/10/2016	1.130,0	937,00	937,00	937,00	937,00	937,00	750,0	187,00	187,00	
13	Nhà bán trú thuộc Trường THCS Đông Sang	Đông Sang	2P	2017			2000 31/10/2016	1.465,0	1.424,00	1.424,00	1.424,00	1.424,00	1.424,0	800,0	624,00	624,00	
14	Nhà lớp học bán Nà trường Tiểu học Tân lập	Tân Lập	1T3P	2017			2449 30/10/2015	966,75	829,00	829,00	829,00	829,00	829,00	700,0	129,00	129,00	
15	Nhà lớp học bán Suối Đôn trường Mầm non Hua Păng	Hua Păng	1T2P	2017 2018			2474 30/10/2015	1.100,8	987,00	987,00	987,00	987,00	987,00	600,0	387,00	387,00	
16	Nhà lớp học bán Tát Ngoãng trường Mầm non Chiềng Hắc	Chiềng Hắc	1T1P	2018	2325 13/10/2017	600,0			600,0	600,0	600,0	600,0	-	-	600,0	600,0	
17	Nhà lớp học bán Co Phay Trường Mầm non Tân Lập	Tân Lập	1T1P	2018	2326 13/10/2017	600,0			600,0	600,0	600,0	600,0	-	-	600,0	600,0	
18	Nhà lớp học bán Tà Phình 2 Trường Mầm non Tân Lập	Tân Lập	1T1P	2018	2327 13/10/2017	598,13			598,00	598,00	598,00	598,00	-	-	598,00	598,00	
19	Nhà hiệu bộ + phòng bảo vệ Trường Mầm non Đông Sang	Đông Sang	1T4P	2018 2019	2328 13/10/2017	1.151,3			1.151,0	1.151,0	1.151,0	1.151,0	-	-	1.151,0	1.151,0	
20	Phòng GDTT-Nghệ thuật thuộc Trường Mầm non Đông Sang (hạng mục cải tạo phòng họp)	Đông Sang	1P	2018	2329 13/10/2017	200,0			200,0	200,0	200,0	200,0	-	-	200,0	200,0	
21	Cải tạo, mở rộng hệ thống bếp 1 chiều Trường Mầm non Đông Sang	Đông Sang		2018	2330 13/10/2017	300,0			300,0	300,0	300,0	300,0	-	-	300,0	300,0	
22	Bếp 1 chiều trường mầm non Nà Mường	Nà Mường	1P	2018	2331 13/10/2017	494,09			494,00	494,00	494,00	494,00	-	-	494,00	494,00	
23	Nhà lớp học Long Cốc Trường Tiểu học Tân Lập	Tân Lập	1T5P	2018 2019	2333 13/10/2017	2.000,0			2.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	-	-	2.000,0	2.000,0	

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Dự kiến quy mô	Dự kiến thời gian thực hiện	Phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú
					Số Văn bản, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Số Quyết định, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016 - 2020		Kế hoạch vốn năm 2016 - 2017 đã giao		Kế hoạch vốn còn lại giai đoạn 2018 - 2020		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	
24	Nhà lớp học bản Tà Phênh Trường Mầm non Tân Lập	Tân Lập	1T3P	2018 2019	2446 24/10/2017	1.700,0			1.700,0	1.700,0	1.700,0	1.700,0	-	-	1.700,0	1.700,0	
25	Nhà lớp học tiểu khu 34 thuộc Trường Tiểu học Nà Tân	Tân Lập	1T4P	2018 2019	2335 13/10/2017	1.512,58			1.512,00	1.512,00	1.512,00	1.512,00	-	-	1.512,00	1.512,00	
26	Nhà bếp ăn trường PTDT BT THCS Lóng Sập	Lóng Sập	1T	2018	2336 13/10/2017	500,0			500,0	500,0	500,0	500,0	-	-	500,0	500,0	
27	Nhà ăn + bếp Trường THCS Quy Hướng	Quy Hướng	Nhà 1 tầng	2018	2337 13/10/2017	600,0			600,0	600,0	600,0	600,0	-	-	600,0	600,0	
28	Nhà ăn + bếp Trường PTDT BT THCS Tân Hợp	Tân Hợp	Nhà 1 tầng	2018	2338 13/10/2017	600,0			600,0	600,0	600,0	600,0	-	-	600,0	600,0	
b	Lĩnh vực văn hóa					500,00		5.980,71	6.126,28	6.126,28	6.126,28	6.126,28	5.626,28	5.239,28	887,00	887,00	
1	Nhà văn hóa bản Hin Pén, xã Chiềng Sơn	Chiềng Sơn	117m2	2016- 2017			2372 29/10/2015	534,10	488,46	488,46	488,46	488,46	488,46	488,46	-	-	
2	Nhà văn hóa tiểu khu Pa Khen 3	TTNTMC	117m2	2016			2495 30/10/2015	504,75	478,80	478,80	478,80	478,80	478,80	478,80	-	-	
3	Nhà văn hóa bản Pua Pai, xã Nà Mường	Nà Mường	117m2	2016			2425 30/10/2015	529,06	500,85	500,85	500,85	500,85	500,85	500,85	-	-	
4	Nhà văn hóa bản Muồng, xã Phiêng Luồng	Phiêng Luồng	117m2	2016			2444 30/10/2015	570,23	538,48	538,48	538,48	538,48	538,48	538,48	-	-	
5	Nhà văn hóa bản Co Phay, xã Tân Lập	Tân Lập	117m2	2016			2446 30/10/2015	518,03	482,69	482,69	482,69	482,69	482,69	482,69	-	-	
6	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa TK Bệnh Viện II	TTNTMC	117m2	2017-2018			2400 29/10/2015	404,00	391,00	391,00	391,00	391,00	391,00	300,00	91,00	91,00	
7	Nhà văn hóa bản Phiêng Cảnh, xã Tân Lập	Tân Lập	117m2	2017			2009 31/10/2016	627,72	609,00	609,00	609,00	609,00	609,00	450,00	159,00	159,00	
8	Xây dựng các hạng mục phụ trợ khu di tích lâm viên Bia Tây Tiến	TTMC		2017-2018			1837 14/9/2016	2.292,85	2.137,00	2.137,00	2.137,00	2.137,00	2.137,00	2.000,00	137,00	137,00	
9	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị Nhà văn hóa xã Mường Sang	Mường Sang		2018	2427 19/10/2017	500,0			500,00	500,00	500,00	500,00	-	-	500,00	500,00	

STT		Danh mục dự án	Địa điểm XD	Dự kiến quy mô	Dự kiến thời gian thực hiện	Phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú
						Số Văn bản, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Số Quyết định, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016 - 2020		Kế hoạch vốn năm 2016 - 2017 đã giao		Kế hoạch vốn còn lại giai đoạn 2018 - 2020		
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	
c		Lĩnh vực thủy lợi, nước sinh hoạt						-	-	3.674,76	3.310,67	3.310,67	3.310,67	3.310,67	3.310,67	-	-	
1		Thủy lợi bản Cốc xã Đông Sang	Đông Sang	8,5 ha	2016			2493 30/10/2015	659,43	588,18	588,18	588,18	588,18	588,18	588,18	-	-	
2		Thủy lợi bản Hong Húa, xã Lóng Sập	Lóng Sập	8,0 ha	2016			2494 30/10/2015	1.592,43	1.494,20	1.494,20	1.494,20	1.494,20	1.494,2	1.494,2	-	-	
3		Công trình thủy lợi Nà Sánh xã Tân Hợp	Tân Hợp	8,5ha	2016			2484 30/10/2015	1.422,90	1.228,29	1.228,29	1.228,29	1.228,29	1.228,29	1.228,29	-	-	
e		Lĩnh vực khác						-		15.826,0	15.822,0	2.115,0	15.822,0	2.115,0	7.202,0	2.115,0	8.620,0	-
1		Mở rộng đường Lò Văn Giá (giai đoạn 2) đoạn từ Trường THPT Thảo Nguyên đến Ngã tư tiểu khu Vườn Đào	TTNTMC	1,494 m	2017 2018			1981 31/10/2016	14.995,0	14.995,0	1.415,00	14.995,0	1.415,00	6.375,00	1.415,0	8.620,0	-	lồng ghép vốn cấp QSD đất
2		Lắp đặt hệ thống đèn dây văng trang trí tại trung tâm huyện Mộc Châu (đợt 2)	TTMC		2016 2017			1037 14/6/2016	831,00	827,00	700,00	827,00	700,00	827,00	700,00	-	-	Lồng ghép vốn cấp QSD đất
II		Phân bổ cho các dự án chuẩn bị đầu tư (biểu 04)									19.857,63		19.857,63				19.857,63	
III		Dự phòng chưa phân bổ									6.954,00		6.954,00				6.954,00	
B		NGUỒN VỐN ỦY QUYỀN PHÂN BỐ CHI TIẾT (HỖ TRỢ CÁC XÃ BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO THEO QĐ SỐ 160/QĐ-TTG)					600,00	-	12.303,13	12.854,06	6.654,72	12.854,06	6.654,72	7.955,47	2.154,72	3.749,82	4.500,00	
I		Khởi công mới					600,00	-	12.303,13	12.854,06	3.654,72	12.854,06	3.654,72	7.955,47	2.154,72	3.749,82	1.500,00	
a		Lĩnh vực giáo dục					-	600,00	-	5.668,94	6.220,35	1.500,00	6.220,35	1.500,00	3.000,00	500,00	2.720,35	1.000,00
1		Trường Mầm non Phong Lan điểm trung tâm	Chiềng Sơn		2017			1980 31/10/2016	1.048,6	1.000,00	500,00	1.000,00	500,00	1.000,0	500,00	-	-	lồng ghép vốn hỗ trợ thực hiện CTMTQG NTM

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Dự kiến quy mô	Dự kiến thời gian thực hiện	Phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú
					Số Văn bản, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Số Quyết định, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016 - 2020		Kế hoạch vốn năm 2016 - 2017 đã giao		Kế hoạch vốn còn lại giai đoạn 2018 - 2020		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	
2	Trường THCS Chiềng Sơn; Hạng mục nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Chiềng Sơn	2T8P	2017-2018			1977 31/10/2016	4.620,35	4.620,35	500	4.620,35	500	2.000	-	2.120,35	500	Lồng ghép nguồn vốn SXKT
3	Bếp ăn 1 chiều + Nhà vệ sinh điểm trung tâm Trường MN Lóng Sập	Lóng Sập		2018	2445 24/10/2017	600			600	500	600	500	-	-	600	500	Lồng ghép nguồn vốn cấp QSD đất
b	Lĩnh vực Văn hóa							1.154,47	1.154,47	1.000,00	1.154,47	1.000,00	1.000,00	1.000,00	154,47	-	
1	Nhà văn hóa bản Pha Nhên, xã Lóng Sập	Lóng Sập		2017			1700 17/9/2015	578,28	578,28	500,00	578,28	500,00	500,00	500,00	78,28	-	
2	Nhà văn hóa bản Suối Đoan	Chiềng Khừa		2017			1728 17/9/2015	576,19	576,19	500,00	576,19	500,00	500,00	500,00	76,19	-	
c	Lĩnh vực thủy lợi, nước sinh hoạt							2.875,48	2.875,00	500,00	2.875,00	500,00	1.500,00	-	875,00	500,00	
1	Thủy lợi bản Cang	Chiềng Khừa		2017-2018			2014 31/10/2016	2.875,48	2.875,00	500,00	2.875,0	500,00	1.500	-	875,00	500,00	lồng ghép với nguồn vốn cấp QSD đất
d	Lĩnh vực Y tế							2604,24	2604,24	654,72	2604,24	654,72	2455,47	654,72			
1	Trạm Y tế xã Chiềng Khừa	Chiềng Khừa		2016 2017			2438 30/10/2015	2604,24	2604,24	654,72	2604,24	654,72	2.455,47	654,72	-	-	lồng ghép vốn CT 135, TPCP hỗ trợ thực hiện CT NTM
II	Phân bổ cho các dự án chuẩn bị đầu tư (biểu 04)									3.000,0		3.000,0				3.000,0	

CÁC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND huyện)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Dự kiến quy mô	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư (tr. đồng)	Ghi chú
	Tổng số				25.500,00	
I	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				21.300,00	
a	Lĩnh vực giáo dục				5.000,00	
1	Nhà hiệu bộ + Nhà bảo vệ Trường Mầm non Phiêng Luông	Phiêng Luông	1T4P	2019 2020	1.100,0	
2	Nhà hiệu bộ + bếp ăn 1 chiều Trường Mầm non Hua Păng	Hua Păng	nhà hiệu bộ 1T4P; nhà vệ	2019 2020	1.300,0	
3	Nhà lớp học bản Nà Mường thuộc Trường Tiểu học Nà Mường	Nà Mường	1P	2019 2020	700,00	
4	Nhà bếp ăn thuộc Trường Mầm non Tân Lập	Tân Lập	1P	2019 2020	500,0	
5	Nhà lớp học điểm tiểu khu 9 thuộc Trường Mầm non Tân Lập	Tân Lập	1T2P	2019 2020	1.400,0	
b	Lĩnh vực văn hóa				9.200	
1	Nhà văn hóa bản Thống Nhất	Nà Mường	117m2	2019 2020	650,00	
2	Nhà văn hóa bản Nà Mường 1	Nà Mường	117m2	2019 2020	650,00	
3	Nhà văn hóa bản Tân Ca	Nà Mường	117m2	2019 2020	650,00	
4	Nhà văn hóa bản Sỷ Lý	Nà Mường	117m2	2019 2020	650,00	
5	Nhà văn hóa xã Phiêng Luông	Phiêng Luông	250m2	2019 2020	2.700,0	
6	Nhà văn hóa bản Xồm Lồm	Phiêng Luông	117m2	2019 2020	650,00	
7	Nhà văn hóa tiểu khu Tà Loọng	TTNTMC	117m2	2019 2020	650,00	

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Dự kiến quy mô	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư (tr. đồng)	Ghi chú
8	Nhà văn hóa bản Suối Khem	Phiêng Luông	117m2	2019 2020	650,00	
9	Nhà văn hóa Tây Hưng	Chiềng Hắc	117m2	2019 2020	650,00	
10	Nhà văn hóa Pá Pang 2	Chiềng Hắc	117m2	2019 2020	650,00	
11	Nhà văn hóa bản Nà Đưa	Quy Hướng	117m2	2019 2020	650,00	
c	Lĩnh vực thủy lợi, nước sinh hoạt				1.500,00	
1	Công trình nước sinh hoạt tiểu khu Pa Khen 3	TTNTMC	167 hộ	2019-2020	1.500,0	
d	Lĩnh vực Y tế				5.600,00	
1	Trạm y tế xã Hua Păng	Hua Păng	2T10P	2019 2020	2.800,0	
1	Trạm y tế xã Nà Mường	Nà Mường	2T10P	2019 2020	2.800,0	lồng ghép vốn cấp QSD đất
II	NGUỒN VỐN ỦY QUYỀN PHÂN BỐ CHI TIẾT (HỖ TRỢ CÁC XÃ BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO THEO QĐ SỐ 160/QĐ-TTG)				4.200,00	
a	Lĩnh vực giáo dục				4.200,00	
1	Nhà lớp học điểm trung tâm Trường Tiểu học Suối Sập	Chiềng Sơn	2P	2019-2020	1.200	lồng ghép vốn cấp QSD đất
2	Nhà công vụ giáo viên điểm trung tâm thuộc Trường Mầm non Chiềng Khừa	Chiềng Khừa	2P	2019	500	
3	Nhà công vụ giáo viên điểm bản Suối Đon thuộc Trường Tiểu học Chiềng Khừa	Chiềng Khừa	2P	2020	500	
4	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng Trường PTDT BT THCS Lóng Sập	Lóng Sập	1T4P	2019-2020	2.000	Lồng ghép nguồn vốn CT 135